

BẢNG ĐIỂM HỌC PHẦN

Lớp học : 33 Liên thông - Xây dựng DD Ngành : Xây dựng dân dụng và công nghiệp Năm học : 2009 - 2010 ĐVHT : 3
Hệ ĐT : Liên thông cao đẳng Học Phần : Toán ứng dụng 2 Học Kỳ : 1 Lần : 1

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3310501002	Lê Quốc	Bảo	12/02/1982	0						0.00	0.00			0	
2	3310501003	Trần Đình	Cao	20/08/1985	3						3.00	0.90	7.00	4.90	6	Học lại
3	3310501004	Nguyễn Ánh	Châu	26/12/1983	1						1.00	0.30			0	
4	3310501005	Nguyễn Văn	Châu	12/12/1982	4						4.00	1.20	7.00	4.90	6	Học lại
5	3310501006	Nguyễn Bá	Chung	20/12/1988	3						3.00	0.90	6.00	4.20	5	Học lại
6	3310501007	Trần Văn	Còn	04/06/1987	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	
7	3310501008	Huỳnh Thanh	Diệu	01/02/1984	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	Học lại
8	3310501010	Bùi Tiến	Dưỡng	20/11/1986	5						5.00	1.50	3.00	2.10	4	
9	3310501011	Nguyễn Văn	Đạo	25/04/1982	3						3.00	0.90	7.00	4.90	6	Học lại
10	3310501012	Nguyễn Thành	Đông	24/07/1988	2						2.00	0.60	5.00	3.50	4	
11	3310501013	Nguyễn Ngọc	Hạnh	01/01/1982	3						3.00	0.90	5.00	3.50	4	Học lại
12	3310501014	Nguyễn Hà Đăng	Hải	10/03/1987	6						6.00	1.80	5.00	3.50	5	
13	3310501015	Nguyễn Ngọc	Hoạt	26/10/1986	0						0.00	0.00			0	
14	3310501016	Thái Ngọc	Hoàng	10/06/1985	3						3.00	0.90	6.00	4.20	5	Học lại
15	3310501017	Trần Minh	Hoàng	14/12/1988	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	
16	3310501018	Trần Kim	Hổ	01/01/1987	3						3.00	0.90	7.00	4.90	6	Học lại
17	3310501019	Nguyễn Anh	Huy	07/05/1985	6						6.00	1.80	6.00	4.20	6	Học lại
18	3310501020	Nguyễn Bá	Lộc	05/10/1988	4						4.00	1.20	1.00	0.70	2	
19	3310501021	Võ Hồng	Luyến	20/10/1987	3						3.00	0.90	6.00	4.20	5	Học lại
20	3310501022	Nguyễn Công	Minh	10/04/1985	5						5.00	1.50	1.00	0.70	2	Học lại
21	3310501023	Lâm	Nam	30/05/1982	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	

STT	MÃ SỐ	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	ĐIỂM THÀNH PHẦN						TBC TP	QUY TS 30%	ĐIỂM THI	QUY TS 70%	ĐIỂM TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
22	3310501024	Nguyễn Khắc	Nhu	13/02/1980	4						4.00	1.20	5.00	3.50	5	Học lại
23	3310501025	Phan Thanh	Phong	05/03/1988	0						0.00	0.00	6.00	4.20	4	Học lại
24	3310501026	Hồ Văn	Quý	03/12/1986	4						4.00	1.20	2.00	1.40	3	
25	3310501027	Phạm Ngọc	Quý	14/02/1988	1						1.00	0.30	4.00	2.80	3	
26	3310501028	Cao Minh	Tâm	16/12/1984	0						0.00	0.00			0	
27	3310501029	Lang Thành	Tâm	26/06/1985	4						4.00	1.20	3.00	2.10	3	
28	3310501030	Dương Bá	Tăng	05/05/1986	7						7.00	2.10	6.00	4.20	6	Học lại
29	3310501031	Lê Đức	Thắng	15/02/1983	0						0.00	0.00			0	
30	3310501032	Phạm Ngọc	Thạch	12/05/1987	5						5.00	1.50	6.00	4.20	6	Học lại
31	3310501033	Kiều Tấn	Thành	06/02/1984	3						3.00	0.90	7.00	4.90	6	Học lại
32	3310501035	Nguyễn Minh	Thành	13/09/1984	5						5.00	1.50			2	
33	3310501034	Nguyễn Việt	Thành	27/11/1988	5						5.00	1.50	5.00	3.50	5	
34	3310501036	Lê Văn	Thái	20/07/1988	5						5.00	1.50	3.00	2.10	4	
35	3310501037	Nguyễn Văn	Thảo	23/10/1983	5						5.00	1.50	1.00	0.70	2	Học lại
36	3310501038	Hồ Quốc	Thế	24/11/1981	0						0.00	0.00			0	
37	3310501039	Từ Sĩ	Thế	12/10/1986	0						0.00	0.00	3.00	2.10	2	
38	3310501040	Võ Văn	Thư	20/10/1983	4						4.00	1.20	2.00	1.40	3	
39	3310501041	Vũ Văn	Tiếp	06/05/1987	4						4.00	1.20	6.00	4.20	5	Học lại
40	3310501042	Mã Chiêu	Toàn	31/01/1986	0						0.00	0.00			0	
41	3310501047	Nguyễn Thanh	Toàn	23/11/1987	0						0.00	0.00			0	
42	3310501043	Đoàn Minh	Trung	19/07/1987	5						5.00	1.50	4.00	2.80	4	
43	3310501001	Đỗ Xuân	Tuyến	06/07/1983	0						0.00	0.00			0	
44	3310501044	Trương Xuân	Tú	16/12/1986	4						4.00	1.20	6.00	4.20	5	Học lại
45	3310501045	Nguyễn Ngọc	Túc	12/10/1988	2						2.00	0.60	7.00	4.90	6	
46	3310501046	Phạm Hoài	Tĩnh	27/03/1985	7						7.00	2.10	5.00	3.50	6	Học lại

Tổng: 46.00 học sinh - sinh viên

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
Xuất sắc	0	0.0
Giỏi	0	0.0
Khá	0	0.0

Trưởng Khoa

Xếp loại	Số lượng	Tỷ lệ %
TB Khá	12	26.1
Trung bình	10	21.7
Không đạt	24	52.2
Miễn thi	0	0.0

Tp.HCM, ngày/....../.....
Giáo Vụ Khoa